TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (HSX: GAS)

MBSecurities

MUA; Giá mục tiêu: 98.900VND

Chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo sản lượng khí cả năm về mức 9,2-9,4 m3 (lần gần nhất là 9,8 tỷ m3), doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 80.865 tỷ và 12.343 tỷ, tăng 26% và 24% so với năm 2020. Định giá cổ phiếu ở mức 98.900 đồng/cp, chúng tôi khuyến nghị GIỮ cổ phiếu GAS

Thông tin cập nhật

Nhu cầu khí cho phát điện đang ở mức thấp, nhưng chỉ là tạm thời, tiềm năng tăng trưởng mạnh nhờ giá dầu tăng và năng lực cấp khí gia tăng .

- Theo Tổng công ty, trong 6 tháng đầu năm 2021, tổng sản lượng khí ẩm tiếp nhận đạt 4,21 tỷ m3, sản lượng khí khô sản xuất và cung cấp cho khách hàng đạt 4,07 tỷ m3, bằng 84% kế hoạch 6 tháng và bằng 88% so với cùng kỳ (svck) năm 2020. Chúng tôi đánh giá nhu cầu khí cho điện ở mức thấp hiện nay chỉ mang tính thời điểm và ngắn hạn theo mùa, nhu cầu sẽ tăng trở lại khi bước vào mùa khô trong quý IV.2021 trở đi.
- Sản lượng LPG kinh doanh đạt 1.023 nghìn tấn, tăng 12% svck và đạt 64% kế hoạch năm. Giá LPG trung bình 6 tháng đầu năm đạt 560 usd/tấn, tăng 36% svck năm 2020. Sản lượng Condensate đạt gần 30 nghìn tấn, hoàn thành 28% kế hoạch năm.
- Các dự án đầu tư như tiếp tục được thực hiện trong bối cảnh dịch Covid19 vẫn diễn biến phức tạp: dự án LNG Thị Vải đạt tiến độ 66.5%, đường ống dẫn khí LNG Thị Vải- PHú Mỹ đạt 51.1%, đường ống dẫn khí Sư Tử Trắng, dự án LNG Sơn Mỹ…

Kết quả kinh doanh quý II và 6 tháng 2021

- Doanh thu quý II đạt 22.702 tỷ đồng, tăng 29% so với quý I và 45% svck, lũy kế 6 tháng đạt 40.272 tỷ đồng, tăng 23% svck và đạt 57% kế hoạch cả năm. Mặc dù sản lượng khí khô thấp, nhưng giá bán tăng mạnh là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu tăng tốt.
- Trong khi đó, lợi nhuận gộp quý II đạt 3.783 tỷ đồng, tăng 16% so với quý I và 58% svck, lũy kế 6 tháng, lợi nhuận gộp đạt 7.052 tỷ đồng, tăng 24% svck 2020. Biên lợi nhuận gộp đạt 17.5%, tăng 8% svck 2020.
- Lợi nhuận trước thuế quý II đạt 2.933 tỷ đồng, tăng 11% so với quý I và 36% svck 2020, lũy kế 6 tháng, lợi nhuận trước thuế đạt 5.570 tỷ đồng, tăng 6% svck 2020 và hoàn thành 63% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 4.359 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 2.242 đồng.
- Trong kỳ 6 tháng, chi phí tài chính tăng 44% svck đạt 169 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay là 123 tỷ, tăng 102%. Đặc biệt chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 120%, đạt 791 tỷ đồng, trong đó phát sinh thêm khoản chi phí sử dụng thương hiệu Tập đoàn dầu khí là 248 tỷ đồng và chi phí phòng chống dịch Covid19 là 154 tỷ. Chi phí bán hàng cũng tăng 16% lên 1.025 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu tài chính lại giảm 40% và đạt 467 tỷ đồng, chủ yếu do giảm lãi tiền gửi.

Triển vọng 6 tháng cuối năm.

- Giá dầu tiếp tục neo ở mức cao quanh 70 usd/thùng (Brent), sản lượng khí thu gom và kinh doanh dự báo tiếp tục tăng tốt lên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh của công ty trong 6 tháng cuối năm. Chúng tôi dự báo cả năm Doanh thu sẽ đạt mức 80.865 tỷ đồng, trong khí đó, lợi nhuận trước thuế là 12.343 tỷ đồng, lần lượt tăng 26% và 24% so với 2020.

Giao dịch cổ phiếu GAS

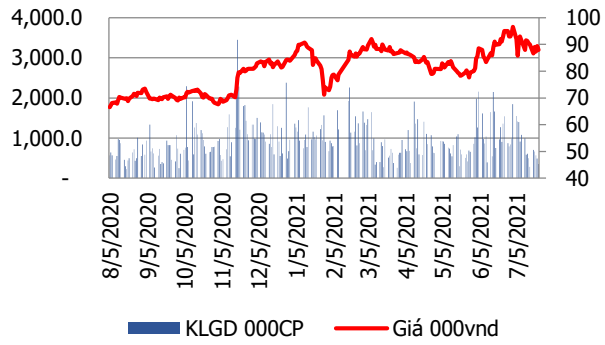

	1T	3T	6T	12T
GAS	-3.3%	5.6%	4.8%	27.7%
VN-Index	-7.8%	1.6%	8.7%	48.1%

Ngày cập nhật	26/7/2021
Thị giá	VND 88.300
Giá mục tiêu	VND 98.900
Upside	+12.0%
Bloomberg	GAS VN
Vốn hóa	VND 156,753 tỷ
	USD 6,771 triệu
Diễn biến giá 52 tuần	VND 61.560
	VND 96.600
KLGDBQ ngày	944 nghìn cp
GTGDBQ ngày	76.52 tỷ đồng
FOL	49,00%
Tỷ lệ sở hữu NĐT NN	2,81%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu	Tỷ đồng	64,135	80,865	87,620	99,348	116,408
Tăng trưởng doanh thu	*%*	*-14.5%*	*26.1%*	*8.4%*	*13.4%*	*17.2%*
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	11,406	14,856	16,837	19,475	21,782
EBIT	Tỷ đồng	10,079	12,624	14,031	16,042	17,329
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,978	12,343	13,664	15,592	16,675
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,972	9,875	10,931	12,473	13,340
Tăng trưởng LNST	*%*	*-34.0%*	*23.9%*	*10.7%*	*14.1%*	*7.0%*
Lợi nhuận CĐ công ty mẹ	Tỷ đồng	7,855	9,755	10,810	12,349	13,214
Thu nhập mỗi cổ phần	Đồng	4,104	4,973	5,517	6,322	6,773
Tăng trưởng EPS	*%*	-34.0%	21.2%	10.9%	14.6%	7.1%
Cổ tức bằng tiền	Đồng/cp	3,000	17.7	15.9	13.9	13.0
Lợi tức cổ phần	%	3.6%	12.0	10.9	9.6	8.9
PE	Lần	20.0	3,000	4,000	4,000	4,000
PB	Lần	3.25	3.4%	4.5%	4.5%	4.5%
EV/EBITDA	Lần	12.7	3.27	3.04	2.83	2.66
ROE	%	16.1%	18.8%	19.3%	20.6%	20.6%
ROA	%	12.6%	13.7%	14.2%	14.7%	14.2%

Nguồn: PVGAS, TTNC MBS

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (HSX: GAS)

Tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong trung và dài hạn:

Trong dài hạn, PVGAS đã xây dựng chiến lược phát triển 2020-2025, định hướng đến 2035 với mục tiêu cụ thể là đa dạng hóa nguồn cung, giữ vai trò chủ đạo trong thu gom khí toàn quốc; sản lượng khí thu gom đạt 185,5 tỷ m3; Sẵn sàng gia tăng thu gom khí trong nước theo khả năng khai thác; Tham gia đầu tư thượng nguồn trong và ngoài nước: sau năm 2023 có khí/LNG khai thác; sau năm 2030 khí/LNG khai thác/sản xuất đạt 5 – 10 tỷ m3/năm.

Giai đoạn 2021-2025, PVGAS tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư thu gom, kinh doanh khí khai thác trong nước và khí nhập khẩu để cung cấp khí cho các dự án điện trong nước sau khi hoàn thành dự án đường đống Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 2 trong năm 2020, bao gồm: Kho cảng LNG Thị Vải 1 triệu tấn năm 2022; đường ống thu gom khí Sư Tử Trắng năm 2024; Mở rộng, nâng cấp Kho LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn năm 2023/2024; Kho LNG/LPG Bắc Bộ; Kho cảng LNG Sơn Mỹ giai đoạn1; Đường ống Lô B-Ô Môn; Nâng tổng công suất kho chứa LPG đạt 150 nghìn tấn năm 2025 ...

Chúng tôi dự báo sản lượng khí khô kinh doanh đến năm 2023 sẽ tăng lên mức 12 tỷ m3 nhờ dự án LNG Thị Vải đi vào hoạt động, năm 2025 sẽ tăng lên mức 14.5-15 tỷ m3 với các dự án Lô B, LNG Sơn Mỹ.

Sản lượng khí khô kinh doanh (tỷ m3)

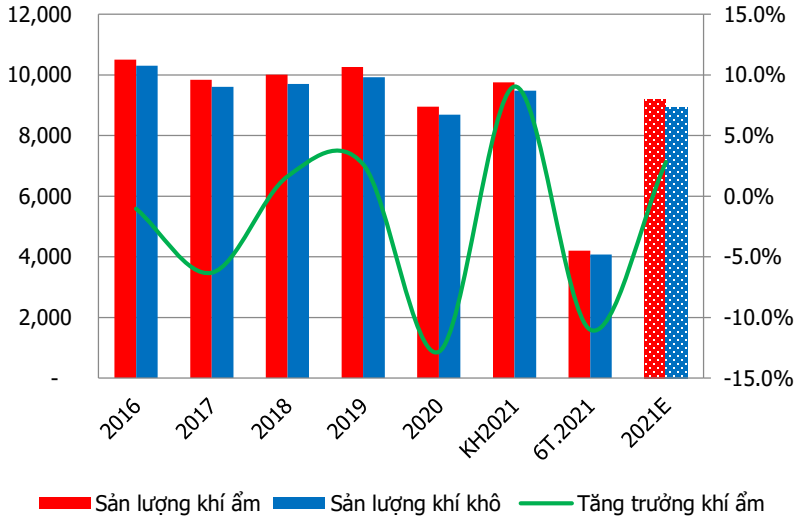

Sản lượng LPG kinh doanh

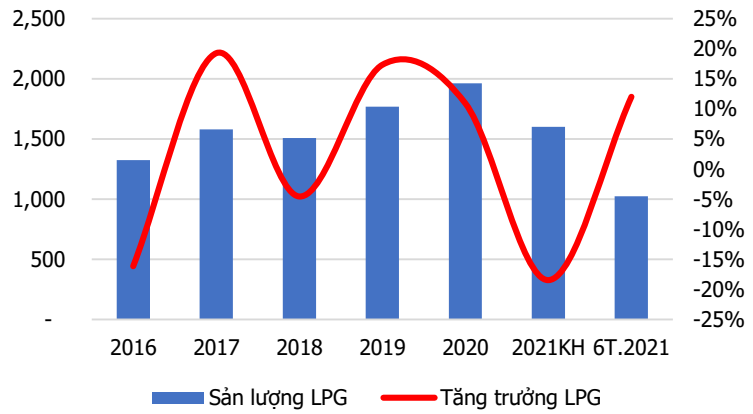

Một số dự án đầu tư lớn của PVGAS

TT	Dự án	Chủ đầu tư	Vốn đầu tư	Công suất	Thời gian
I	**Dự án đường ống dẫn khí**				
2	Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sư tử trắng	PVGAS	145		Dự kiến 2023
3	Dự án đường ống dẫn khí Tây Nam bộ (Lô B- Ô Môn	PVN, PVGAS, MOECO, PTTEP	1,280		Dự kiến 2024
II	**Dự án LNG**				
4	LNG Thi Vai	PVGAS	285 220	1 MMTPA 2 MMPTA	GĐ1: 2019-2022 GĐ2: 2024-2025
5	LNG Son My	PVGAS-AES	1,400	3 triệu tấn 3 triệu tấn	GĐ1: 2024-2026 GĐ 2: na
6	LNG Long An	PVGAS-Vinacapital	na	2-3 triệu tấn	2024-2026

Dự báo giá dầu của EIA

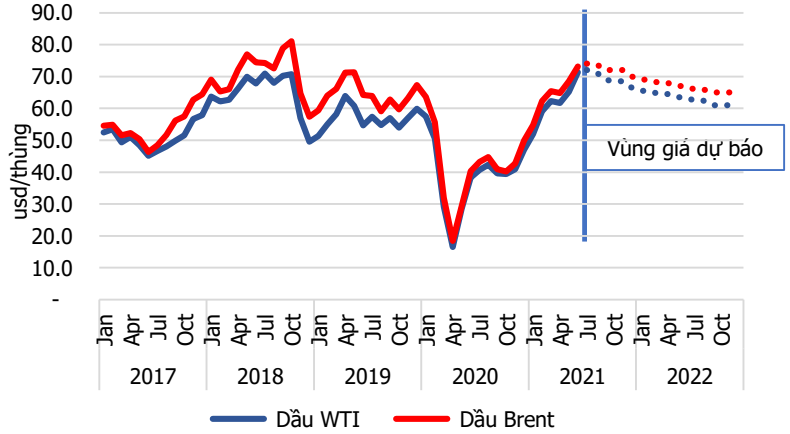

Nguồn: PVGAS, Bloomberg, TTNC MBS

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (HSX: GAS)

Kết quả kinh doanh sớm hồi phục sau đại dịch Covid 19

- Kết quả kinh doanh năm 2020 bị ảnh hưởng mạnh của dịch Covid19, doanh thu đạt 64.135 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 9.978 tỷ đồng, giảm 15% và 34% so với 2019. Mặc dù vậy hoạt động năm 2021 đang dần hồi phục khi năng lực cung cấp khí tăng lên và giá dầu đang hồi phục tăng mạnh mẽ.
- Dự báo đến năm 2023, sản lượng cung cấp khí khô của công ty có thể đạt 12 tỷ m3, tăng 20% so với mức hiện tại, năm 2025 sản lượng khí có thể đạt mức 14.5-15 tỷ m3. Doanh thu và lợi nhuận cũng tăng theo, năm 2023, lợi nhuân trước thuế dự báo đạt 13.600 tỷ đồng, đến năm 2025 dự báo đạt 16.100 tỷ đồng.

Nguồn lực tài chính vững mạnh

- Nguồn lực tài chính mạnh với giá trị tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn luôn ở mức cao, hàng năm từ 26.000-27.000 tỷ đồng.
- Doanh thu hàng năm lớn tới 75.000-80.000 tỷ đồng, mặc dù vậy khoản phải thu và hàng tồn kho luôn được kiểm soát ở mức thấp, chỉ từ 9-12 nghìn tỷ đối với khoản phải thu và 1,5-2 nghìn tỷ đồng hàng tồn kho. Vòng quay khoản phải thu và hàng tồn kho đều rất tốt.
- Trong khi đó, cơ cấu nguồn vốn ổn định và vững mạnh. Nguồn vốn được tài trợ lớn từ nguồn vốn chủ sở hữu, với giá trị chiếm từ 65%-80% tổng nguồn vốn. Vốn Nợ và vay tài chính ở mức thấp.
- Quản trị phải thu, hàng tồn kho và khoản phải trả tốt, giúp cho dòng tiền hoạt động kinh doanh luôn ở mức cao, đảm bảo chất lượng lợi nhuận hàng năm, tài trợ cho các dự án đầu tư lớn, cũng như thực hiện chính sách cổ tức bằng tiền hấp dẫn.

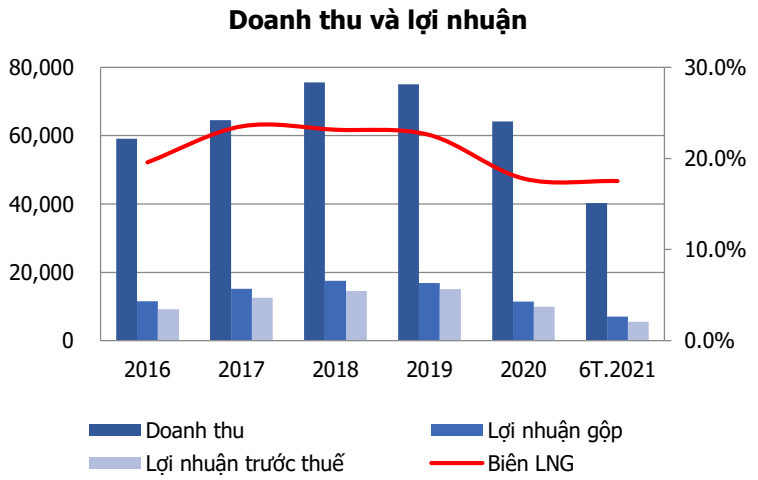

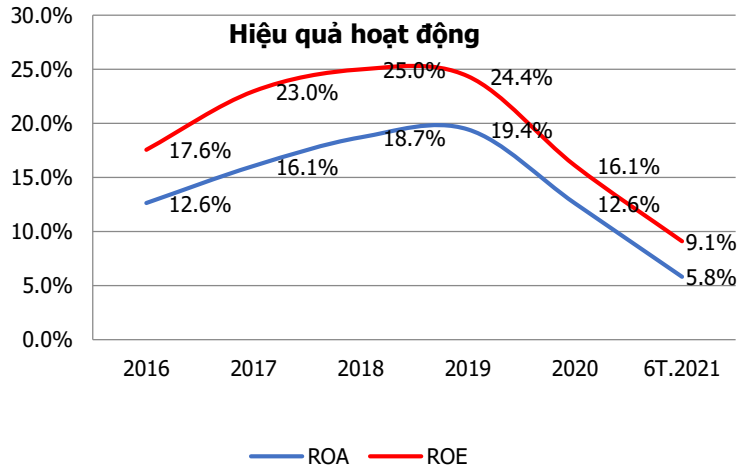

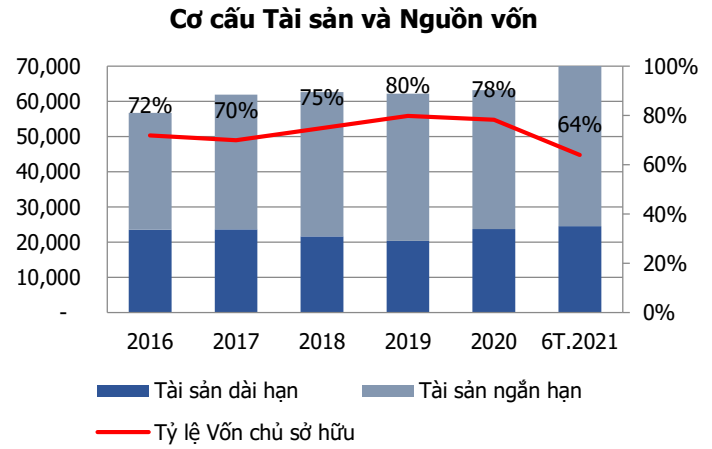

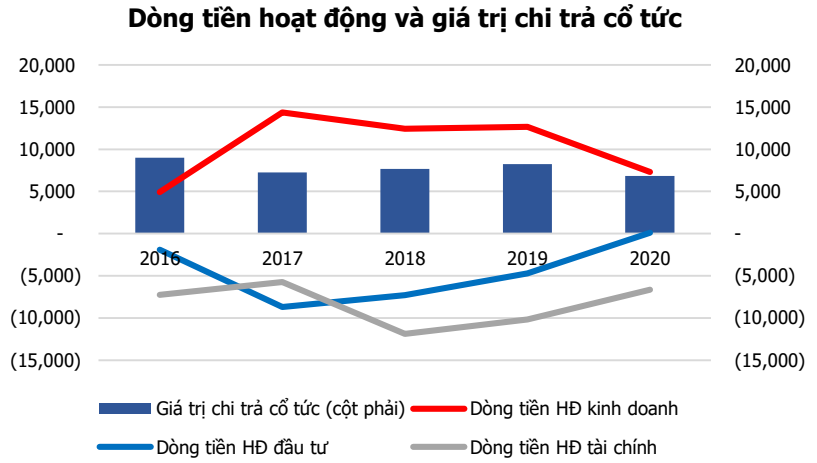

Nguồn: PVGAS, MBS tổng hợp

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (HSX: GAS)

MBSecurities

Dự báo hoạt động và kết quả kinh doanh 2021

- Với sản lượng khí kinh doanh 6 tháng đầu năm đạt thấp, chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo sản lượng khí thu gom và kinh doanh xuống còn có thể đạt 9.2-9.4 tỷ m3, tăng 4% so với 2020. Mặc dù nguồn khi đã được bổ sung từ dự án Sao Vàng Đại Nguyệt qua hệ thống đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 2 từ cuối 2020, nhưng hiện tại, nhu cầu khí cho sản xuất điện đang ở mức thấp. Trong khi đó, sản lượng LPG kinh doanh cơ bản ổn định với mức 1,95 triệu tấn.
- Với giả thiết giá dầu trung bình năm là 68usd/thùng (dầu Brent), dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế của công ty đạt mức 80.865 tỷ đồng và 12.343 tỷ đồng, lần lượt tăng 26% và 24% so với năm 2020.
- Từ 2022 trở đi, triển vọng phát triển của công ty tiếp tục tăng trưởng lạc quan nhờ các dự án đầu tư khai thác khí trong nước cũng như dự án kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) hoàn thành, đưa sản lượng bán hàng và kết quả kinh doanh tăng lên mạnh mẽ.

Định giá cổ phiếu:

- Kết hợp phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền DCF và so sánh PE, PB, EV/EBITDA chúng tôi xác định giá trị cổ phiếu GAS ở mức 98.900 đồng/ cổ phần.

Kết quả định giá	Giá trị (vnd/cp)
- **DCF_FCFE**	**109.023**
- **PB**	**81.234**
- **PE**	**106.143**
- **EV/EBITDA**	**99.355**
Giá trị trung bình	**98.939**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F
Sản lượng khí khô	Tỷ m3	8.69	8.94	10.50	11.90	12.60	14.50	15.48
Sản lượng LPG	Nghìn tấn	1.96	1.95	1.84	1.87	1.91	1.95	1.99
Giá dầu (Brent)	Usd/thùng	43	68	68	70	75	75	75
Doanh thu	Tỷ đồng	64,135	80,865	87,620	99,348	116,408	126,489	139,817
Tăng trưởng doanh thu	*%*	*-14.5%*	*26.1%*	*8.4%*	*13.4%*	*17.2%*	*8.7%*	*11%*
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	-52,729	-66,009	-70,783	-79,873	-94,626	-102,280	-112,599
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	11,406	14,856	16,837	19,475	21,782	24,209	27,218
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	1,451	1,233	1,233	1,233	1,233	1,233	1,233
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-169	-361	-487	-573	-778	-921	-1,028
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	-1,943	-2,264	-2,629	-2,980	-3,492	-3,795	-4,195
Chi phí quản lý dn	Tỷ đồng	-769	-1,132	-1,314	-1,590	-2,095	-2,277	-2,517
Lợi nhuận hđ kinh doanh	Tỷ đồng	9,965	12,318	13,645	15,570	16,655	18,455	20,717
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,978	12,343	13,664	15,592	16,675	18,476	20,738
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,972	9,875	10,931	12,473	13,340	14,781	16,590
Lợi nhuận cđ công ty mẹ	Tỷ đồng	7,855	9,755	10,810	12,349	13,214	14,652	16,459
Thu nhập mỗi cổ phần	Đồng/cp	4,104	4,973	5,517	6,322	6,773	7,525	8,469

Định giá theo DCF

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn chủ sở hữu	%	12.32%
Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2026	%	3.00%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2021F-2026F	tỷ đồng	59,559
Hiện giá dòng tiền sau năm 2026	tỷ đồng	144,298
Tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn hiện tại	tỷ đồng	10,339
Giá trị Công ty	tỷ đồng	214,196
Nợ dài hạn hiện tại	tỷ đồng	5,532
Giá trị vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	208,664
Số lượng cổ phần	triệu cp	1,914
Giá trị mỗi cổ phần	**đồng**	**109.023**

Hệ số PE-PB

Công ty	Quốc gia	P/B	P/E	EV/EBITDA
TOKYO GAS CO LTD	Japan	0.85	19.84	7.51
INDIAN OIL CORP LTD	India	0.86	4.44	4.84
OSAKA GAS CO LTD	Japan	0.82	10.95	7.13
PETRONAS GAS BHD	Malaysia	2.49	15.64	8.92
HENAN LANTIAN GAS CO LTD-A	China	3.27	18.11	12.05
TOHO GAS CO LTD	Japan	1.86	77.92	14.78
S-OIL CORP	South Korea	1.78	25.77	13.35
PETRONET LNG LTD	India	3.19	13.12	8.73
INDRAPRASTHA GAS LTD	India	6.56	28.17	21.66
THAI OIL PCL	Thailand	1.02	8.29	9.37
NIPPON GAS CO LTD	Japan	3.07	22.93	10.19
PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK	Vietnam	3.06	20.48	11.86
Trung bình		**2.61**	**21.34**	**13.31**

Nguồn: PVGAS, Bloomberg, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (HSX: GAS)

MBSecurities

Kết quả kinh doanh	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu	64,135	80,865	87,620	99,348	116,408
Giá vốn hàng bán	-52,729	-66,009	-70,783	-79,873	-94,626
Lợi nhuận gộp	11,406	14,856	16,837	19,475	21,782
Doanh thu tài chính	1,451	1,233	1,233	1,233	1,233
Chi phí tài chính	-169	-361	-487	-573	-778
Chi phí bán hàng	-1,943	-2,264	-2,629	-2,980	-3,492
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-769	-1,132	-1,314	-1,590	-2,095
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	9,965	12,318	13,645	15,570	16,655
Lợi nhuận trước thuế	9,978	12,343	13,664	15,592	16,675
Lợi nhuận sau thuế	7,972	9,875	10,931	12,473	13,340
Lợi nhuận ròng cđ công ty mẹ	7,855	9,755	10,810	12,349	13,214
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	117	119	122	124	127

Tài sản- Nguồn vốn	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Tài sản ngắn hạn	39,472	46,108	49,141	58,646	68,857
Tài sản dài hạn	23,736	25,762	27,691	26,367	25,331
Tổng tài sản	63,208	71,870	76,832	85,013	94,188
Nợ phải trả	13,709	19,323	20,237	24,368	29,492
I.Nợ phải trả ngắn hạn	9,749	12,663	13,377	16,008	19,632
II. Nợ phải trả dài hạn	3,960	6,660	6,860	8,360	9,860
Vốn chủ sở hữu	49,499	52,547	56,596	60,645	64,696
Tổng nguồn vốn	63,208	71,870	76,832	85,013	94,188

Lưu chuyển dòng tiền	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh	10,195	12,794	12,031	12,935	10,477
Dòng tiền thuần hoạt động đầu tư	-2,384	-3,367	-3,274	-6,150	-4,449
Dòng tiền thuần hoạt động tài chính	-6,933	-4,325	-6,881	-5,973	-6,840
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5,237	10,339	12,215	19,026	22,214

Hệ số tài chính	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Chỉ tiêu lợi nhuận					
Biên lợi nhuận gộp	17.8%	18.4%	19.2%	19.6%	18.7%
Biên EBITDA	19.4%	17.3%	17.6%	17.7%	16.2%
Biên lợi nhuận ròng	12.2%	12.1%	12.3%	12.4%	11.4%
ROE	16.1%	18.8%	19.3%	20.6%	20.6%
ROA	12.6%	13.7%	14.2%	14.7%	14.2%
Tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu	-14%	26.1%	8.4%	13.4%	17.2%
Tăng trưởng LNTT	-34%	23.7%	10.7%	14.1%	7.0%
Tăng trưởng LNST	-34%	24.2%	10.8%	14.2%	7.0%
Tăng trưởng EPS	-34%	21.2%	10.9%	14.6%	7.1%
Thanh khoản					
Hệ số thanh toán hiện thời	1.78	3.64	3.67	3.66	3.51
Hệ số thanh toán nhanh	1.64	3.47	3.50	3.46	3.11
Nợ/Tổng tài sản	0.22	0.27	0.26	0.29	0.31
Nợ/Nguồn vốn	0.28	0.37	0.36	0.40	0.46
Hệ số đảm bảo nợ vay	59.64	34.97	28.83	27.98	22.27
Định giá					
Lợi tức cổ phần	4%	3.4%	4.5%	4.5%	4.5%
Thu nhập mỗi cổ phần	4,104	4,973	5,517	6,322	6,773
Giá trị sổ sách cổ phần	25,306	26,874	28,964	31,054	33,144

CONTACT: MBS EQUITY RESEARCH

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Dầu khí, Hóa chất
Chu Thế Huynh
(Huynh.ChuThe@mbs.com.vn– Tel: 0919336595)

Vật liệu xây dựng,Nhựa
Trần Thái Bình
(Binh.TranThai@mbs.com.vn -Tel 0336154669)

Tài chính, Ngân hàng
Dương Thiện Chí
(Chi.Duongthien@mbs.com.vn -Tel 0934977100)

Xây dựng, Bất động sản
Đinh Công Luyến
(Luyen.DinhCong@mbs.com.vn– Tel: 0978877784)

Hàng tiêu dùng, Công Nghệ, Bán lẻ
Trần Minh Phương
(Phuong.TranMinh@mbs.com.vn– Tel: 0869083297)

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | DISCLAIMER

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HEAD OFFICE

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 4 3726 2600 – Fax: +84 4 3726 2600 | Website: www.mbs.com.vn